

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 67/2021/HS-PT
Ngày 25- 10 - 2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Tăng Trần Quỳnh Phương**
Các Thẩm phán: Ông **Châu Văn Mỹ**
Ông **Trần Quang Khang**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Tuấn Duy**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Dương Thục Trinh**, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18, ngày 25 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 55/2021/TLPT-HS ngày 02 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Thị D, do có kháng cáo của bị cáo, bị hại và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 06/2021/HS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo và bị kháng nghị: **NGUYỄN THỊ D**, sinh năm 1955 tại H, Bạc Liêu. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp L, xã V.A, huyện H, tỉnh Bạc Liêu; chỗ ở hiện nay: Ấp B, xã V.A, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (chết) và bà Nguyễn Thị M (chết); có chồng tên Lê Văn Đ, sinh năm 1953 (chết) và 03 người con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, (có mặt).

- Bị hại có kháng cáo:

1. Ông **Phạm Văn N**, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp C, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt ngày 18, vắng mặt ngày 25).

2. Bà **Huỳnh Thị T**, sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp L.A, xã V.A, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt ngày 18, vắng mặt ngày 25).

Ngoài ra còn có 41 bị hại và 01 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo và không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Thị D bắt đầu làm chủ hội từ năm 2010 âm lịch, để hưởng hoa hồng và có nhiều dây hội mãi, nên đã tạo được lòng tin đối với người chơi. Từ đó, bị cáo Nguyễn Thị D lập ra nhiều dây hội tháng 1.000.000đ và 2.000.000đ, bị cáo D hưởng hoa hồng cho mỗi lần hốt hội là 500.000đ đến 1.000.000đ. Trong thời gian làm chủ hội, bị cáo Nguyễn Thị D là người trực tiếp đi thu và giao tiền hội cho các hội viên, bị cáo Nguyễn Thị D đã sử dụng tiền của các hội viên đóng hội để chi xài cá nhân và lấp hội, dẫn đến mất cân đối nên từ khoảng thời gian từ ngày 20/8/2015 âm lịch (nhằm ngày 02/10/2015 dương lịch) đến ngày 25/6/2018 âm lịch (nhằm ngày 06/8/2018 dương lịch) bị cáo Nguyễn Thị D nảy sinh ý thức chiếm đoạt tiền của các hội viên, bằng cách lập ra nhiều dây hội mới rồi lừa dối (mạo danh) hội viên để hốt hội. Đến tháng 11/2018 âm lịch, bị cáo tuyên bố vỡ hội, cụ thể như sau:

1/ Dây hội tháng 1.000.000đ, mỗi tháng khai một lần mở vào ngày 20/8/2015 âm lịch (nhằm ngày 02/10/2015 dương lịch), dây hội có 35 người tham gia 48 chân hội, đã khai được 40 lần, còn 08 lần. Trong đó, hội viên hốt hội 34 chân, bị cáo D mạo danh hốt hội 06 chân gồm Phạm Thị Đ (U.P) 01 chân, Võ Thị T1 (Th) 02 chân, Bùi Thị M (M) 01 chân, Lục Thị H (9 H) 02 chân; còn 14 chân hội viên chưa hốt.

2/ Dây hội tháng 2.000.000đ, mỗi tháng khai một lần mở vào ngày 25/6/2016 âm lịch (nhằm ngày 28/7/2016 dương lịch) dây hội gồm có 27 người tham gia 32 chân hội, khai được 30 lần, còn 02 lần. Trong đó, hội viên hốt hội 28 chân, bị cáo D mạo danh hội viên hốt hội 02 chân (Nguyễn Văn D1 (D1) 01 chân và Trần Thị S (7 S) 01 chân, còn 04 chân hội viên chưa hốt hội.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân đề nghị truy tố bị cáo Nguyễn Thị D phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản với số tiền chiếm đoạt là 125.015.000đ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 06/2021/HS-ST ngày 25/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Căn cứ vào điểm khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị D phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” .

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D 05 (Năm) năm tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 589 Bộ luật dân sự, Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường ghi nhận ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo Nguyễn Thị D và các bị hại buộc bị cáo Nguyễn Thị D phải bồi thường các bị hại tổng số tiền số tiền là 612.625.000đ cụ thể như sau:

Bồi thường cho Huỳnh Thu B số tiền 39.000.000đ; bồi thường cho Nguyễn Thị S1 số tiền 23.000.000đ; bồi thường cho Trần Kiều O số tiền 39.000.000đ; bồi thường cho Nguyễn Văn S2 số tiền 75.000.000đ; bồi thường cho Lương Thị N1 số tiền 38.000.000đ; bồi thường cho Trần Thị L số tiền 78.000.000đ; bồi thường cho Phạm Thị Đ số tiền 38.625.000đ; bồi thường cho Võ Thị T1 số tiền 80.000.000đ; bồi thường cho Lục Thị H số tiền 17.000.000đ; bồi thường cho Bùi Thị M số tiền 38.000.000đ; bồi thường cho Trần Thị S số tiền 35.000.000đ; bồi thường cho Huỳnh Hồng N2 số tiền 112.000.000đ.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, lãi suất, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/6/2021, bị cáo Nguyễn Thị D kháng cáo kêu oan; ngày 23/6/2021 bị hại Huỳnh Thị T và Phạm Văn N kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị D; ngày 07/6/2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu kháng nghị sửa án sơ thẩm theo hướng xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Xét kháng cáo của bị cáo, bị hại và Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu còn trong thời hạn luật định nên cấp phúc thẩm chấp nhận và đưa ra xét xử là hợp lệ.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử :

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận toàn bộ kháng nghị số 01 ngày 07/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân theo hướng sửa bản án sơ thẩm, xử phạt bị cáo Dung phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản với số tiền chiếm đoạt là 125.015.000 đồng theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự, giảm hình phạt cho bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: không chấp nhận kháng cáo không phạm tội của bị cáo; không chấp nhận kháng cáo tăng hình phạt của các bị hại.

Tại phiên tòa bị cáo D xác định: Bị cáo thống nhất với quyết định của bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, về án phí, không kháng cáo phần này; bị cáo chỉ kháng cáo kêu oan phần tội danh và hình phạt vì việc bị cáo mượn tên các hội viên hốt hội là có sự đồng ý của các hội viên, không phải bị cáo lừa đảo để chiếm đoạt tài sản.

Các bị hại T, N thống nhất xác định: Đề nghị cấp phúc thẩm xét xử bị cáo theo tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tăng mức hình phạt đối với bị cáo do cấp sơ thẩm đã xét xử là chưa tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị D, bị hại Phạm Văn N, bị hại Huỳnh Thị T và Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu đúng về thể thức và thời hạn nên được Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị D bào chữa cho rằng bị cáo được các hội viên cho mượn hội để bỏ hội và hốt hội, tuy nhiên trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm các hội viên mà bị cáo mạo danh để hốt hội đều xác định không có sự việc này xảy ra, khi bị cáo mạo danh hốt hội các hội viên không hay biết. Do đó, việc bị cáo cho rằng có các hội viên đồng ý cho mượn hội để hốt là không có căn cứ chấp nhận. Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ tháng 08 năm 2015 âm lịch đến tháng 06 năm 2018 âm lịch bị cáo Nguyễn Thị D đã lập 02 dây hội: Dây hội tháng 1.000.000đ, mỗi tháng khai một lần mở vào ngày 20/8/2015 âm lịch và dây hội tháng 2.000.000đ, mỗi tháng khai một lần mở vào ngày 25/6/2016 âm lịch. Trong quá trình giao dịch hội, vì động cơ vụ lợi bị cáo đã nhiều lần mạo danh hội viên để hốt hội, qua đó đã chiếm đoạt tài sản của các hội viên là có xảy ra trên thực tế.

[2.2] Quá trình điều tra, truy tố cấp sơ thẩm đã xác định được ở từng dây hội bị cáo D đã mạo danh hội viên hốt hội ở kỳ hội thứ mấy, hốt được bao nhiêu tiền và tổng số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của các hội viên ở từng lần mở hội để làm cơ sở định tội, định khung hình phạt đối với bị cáo. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm có sự nhầm lẫn trong khâu tính toán, tổng số tiền bị cáo đã chiếm đoạt là 311.050.000đ không phải là 306.290.000đ, cụ thể:

* Đối với dây hội tháng 2.000.000đ mở hội kì đầu tiên ngày 25/6/2016 âm lịch, gồm 32 chân, khai được 30 kỳ còn 02 kỳ thì bị cáo đình hội không khai nữa. Trong dây hội này bị cáo đã mạo danh hội viên hốt ở các kì hội cụ thể như sau:

+ Kỳ hội thứ 5 bị cáo mạo danh bà Trần Thị S để hốt hội. Ở kì hội này bị cáo đã đề hội 700.000đ và bị cáo đã gom đủ tiền hội của các hội viên: 04 chân chết và 28 chân sống (mỗi chân hội sống bị cáo gom của hội viên số tiền 1.300.000đ), tổng số tiền bị cáo đã nhận ở chân hội này là 44.400.000đ.

+ Kỳ hội thứ 23 bị cáo mạo danh ông Nguyễn Văn D1 để hốt hội. Ở kỳ hội này bị cáo đã để hội 800.000đ và đã gom đủ tiền hội của các hội viên: 21 chân chết và 11 chân sống (mỗi chân hội sống bị cáo gom của hội viên số tiền 1.200.000đ), tổng số tiền bị cáo đã nhận ở chân hội này là 55.200.000đ.

Như vậy, ở đây hội này tổng số tiền mượn hội bị cáo nhận được là 99.600.000đ.

* Đối với đây hội tháng 1.000.000đ mở hội kì đầu tiên ngày 20/8/2015 âm lịch, gồm 48 chân, khai được 40 kỳ còn 08 kỳ thì bị cáo đình hội không khai nữa. Trong đây hội này bị cáo đã mạo danh hội viên hốt ở các kì hội cụ thể như sau:

+ Kỳ hội thứ 5 và kỳ hội thứ 28 bị cáo mạo danh bà Lục Thị H để hốt hội. Ở kỳ hội thứ 5 bị cáo đã để hội 470.000đ và bị cáo đã gom đủ tiền hội của các hội viên: 04 chân chết và 44 chân sống (mỗi chân sống bị cáo gom của hội viên số tiền 530.000đ), tổng số tiền bị cáo đã nhận ở chân hội này là 27.320.000đ. Ở kỳ hội thứ 28 bị cáo đã để hội 500.000đ và bị cáo đã gom đủ tiền hội của hội viên: 25 chân chết và 23 chân sống (mỗi chân sống bị cáo gom của hội viên số tiền 500.000đ), tổng số tiền bị cáo đã nhận ở chân hội này là 36.500.000đ.

+ Kỳ hội thứ 27 bị cáo mạo danh bà Bùi Thị M để hốt hội. Ở kỳ hội này bị cáo đã để hội 490.000đ và bị cáo đã gom đủ tiền hội của các hội viên: 25 chân chết và 23 chân sống (mỗi chân sống bị cáo gom của hội viên số tiền 510.000đ), tổng số tiền bị cáo đã nhận ở chân hội này là 36.730.000đ.

+ Kỳ hội thứ 34 bị cáo mạo danh bà Phạm Thị Đ để hốt hội. Ở kỳ hội này bị cáo đã để hội 550.000đ và bị cáo đã gom đủ tiền hội của hội viên, riêng đối với hội viên Ngô Văn K thời điểm ông K đã đi khỏi địa phương nên không thể gom tiền hội chết của ông K được nên số chân hội bị cáo gom thực tế là: 29 chân chết và 18 chân sống (mỗi chân sống bị cáo gom của hội viên số tiền 450.000đ), tổng số tiền bị cáo đã nhận ở chân hội này là 37.100.000đ.

+ Kỳ hội thứ 39 và kỳ hội thứ 40 bị cáo mạo danh bà Võ Thị T1 để hốt hội. Ở kỳ hội thứ 39 bị cáo đã để hội 600.000đ và bị cáo đã gom đủ tiền hội của hội viên, riêng đối với hội viên Ngô Văn K và hội viên Đặng Văn M1 thời điểm đó ông K và ông M1 đã đi khỏi địa phương nên không thể gom tiền hội chết đối với hai hội viên này nên số chân hội bị cáo gom thực tế là: 31 chân chết và 15 chân sống (mỗi chân sống bị cáo gom của hội viên số tiền 400.000đ), tổng số tiền bị cáo đã nhận ở chân hội này là 36.200.000đ. Ở kỳ hội thứ 40 bị cáo đã để hội 600.000đ và bị cáo đã gom đủ tiền hội của hội viên, riêng đối với hai hội viên là ông K và ông M1 đã đi khỏi địa phương, không thể gom được hội chết đối với hai hội viên này, nên số chân hội bị cáo gom thực tế là 32 chân chết và 14 chân sống (mỗi chân sống bị cáo gom của hội viên số tiền 400.000đ), tổng số tiền bị cáo đã nhận ở chân hội này là 37.600.000đ.

Như vậy, ở đây hội này tổng số tiền mượn hội bị cáo nhận được là 211.450.000đ .

Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của cả hai dây hụi là 311.050.000đ.

Bị cáo đã lợi dụng sự tin tưởng của các hụi viên, biết các hụi viên đến kì khai hụi không đến khai hụi nên bị cáo đã mạo danh hụi viên để hốt hụi, chiếm đoạt tiền các hụi viên đã đóng ở kì hụi đó. Như vậy, thủ đoạn gian dối của bị cáo đã có trước khi các hụi viên đóng tiền hụi cho bị cáo và số tiền chiếm đoạt tổng cộng là 311.050.000đ đã đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

[2.3] Xét kháng cáo của các bị hại Huỳnh Thị T, Phạm Văn N về việc yêu cầu xét xử bị cáo theo tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tăng nặng hình phạt đối với bị cáo. Như đã phân tích, hành vi phạm tội của bị cáo D đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự nên có căn cứ chấp nhận toàn bộ kháng cáo của các bị hại.

[2.4] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân, như đã phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị về tội danh, xác định bị cáo phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, không phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản như cấp sơ thẩm đã xác định, tuy nhiên số tiền bị cáo chiếm đoạt là 311.050.000đ, không phải là 125.015.000đ như kháng nghị đã nêu. Từ đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

[2.5] Xét kháng cáo kêu oan của bị cáo Nguyễn Thị D: Như đã phân tích nêu trên, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo.

[3] Bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội nên cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, bị cáo đã bồi thường khắc phục một phần thiệt hại cho những bị hại, trong suốt quá trình tố tụng bị cáo đã thành khẩn khai báo, đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật đã qui định nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[4] Về trách nhiệm dân sự : Bị cáo chỉ chịu trách nhiệm bồi thường số tiền 311.050.000đ cho các bị hại tuy nhiên quá trình xét xử sơ thẩm các bị hại Huỳnh Thu B; Nguyễn Thị S1; Trần Kiều O; Nguyễn Văn S2; Lương Thị N1; Trần Thị L; Phạm Thị Đ; Võ Thị T1; Lục Thị H; Bùi Thị M; Trần Thị S; Huỳnh Hồng N2 và bị cáo đã thỏa thuận bồi thường số tiền 612.625.000đ, đây là sự tự nguyện của bị cáo và những bị hại nên cấp sơ thẩm ghi nhận là phù hợp. Đối với các bị hại còn lại trong vụ án không yêu cầu giải quyết vấn đề trách nhiệm dân sự nên cấp sơ thẩm không đề cập xử lý là phù hợp.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí: Căn cứ các điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí bị cáo hình sự sơ thẩm và phúc thẩm cho bị cáo Nguyễn Thị D. Các bị hại Huỳnh Thị T và Phạm Văn N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm

6. Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2021/HS-ST ngày 25/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bạc Liêu (01 bản);
- VKSND H. Hồng Dân (01 bản);
- TAND H. Hồng Dân (02 bản);
- CQĐT H. Hồng Dân (01 bản);
- Chi cục THADS H. Hồng Dân (01 bản);
- Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu (1 bản);
- Bị cáo (01 bản);
- Bị hại (02 bản)
- Lưu: HS, THS, THCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tăng Trần Quỳnh Phương